TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HSPT
Ngày 03 tháng 9 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Tạ Văn Thành
Các thẩm phán: Ông Hồ Văn Việt.
Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:47/2019/TLPT-HS ngày11 tháng 6năm 2019 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của bị cáo Vương Đức H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HSST ngày 9 tháng 5 năm 2019 của tòa án nhân dân huyện L theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **NGUYỄN TUẤN C**, S ngày 10 tháng 05 năm 1982 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nơi ĐKNKTT: Khu 17, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc Thủy, S năm 1945 và bà Nguyễn Thị L, S năm 1947 (Đã chết); Vợ: Hoàng Thị H, S năm 1990, hiện ở khu 17, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Con: Có 3 con (Lớn nhất S năm 2014: Nhỏ nhất S năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ, hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

2. Họ tên: **VƯƠNG ĐỨC H**, S ngày 30 tháng 6 năm 1981 tại: huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Vương Văn D (Đã chết) và bà Lê Thị N, S năm 1952; Vợ: Nguyễn Thị H, S năm 1982, hiện ở khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Con: Có 02 con (Lớn S năm 2008; Nhỏ S năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 49/2006/HSST ngày 23/3/2006 của Tòa án nhân dân tHnh phố Việt Trì xử phạt 9

tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp Hnh xong; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương.(Có mặt).

3. Họ tên: **VƯƠNG ĐỨC Đ**, S ngày 8 tháng 4 năm 1986 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT: Khu 2, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vương Văn Đ, S năm 1959 và bà Vương Thị T, S năm 1960; Vợ: Lê Thị Phương, S năm 1988, hiện ở khu 2, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Con: có 02 con (Lớn S năm 2012; Nhỏ S năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

4. Họ tên: **DƯƠNG VĂN L**; S ngày 13 tháng 12 năm 1984 tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT: Khu 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Ngọc C, S năm 1962 và bà: Đào Thị T, S năm 1963; Vợ: Nguyễn Thị T, S năm 1987, hiện ở khu 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Con: Có 02 con (Lớn S năm 2009; Nhỏ S năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

Bị hại:

Công ty cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất L;

Địa chỉ: TT L, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại điện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần thương mại H.

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Lê Thị Hường - Chủ tịch HĐQT - Giám đốc. (Vắng mặt)

2. Công ty TNHH vận tải G.

Địa chỉ: Khu 6, TT P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Lưu Văn Tấn - Chủ tịch HĐTV - Giám đốc.(Vắng mặt)

Ông Trần Viết Z, S năm 1964.

Địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ,(Vắng mặt).

Ông Phan Tiến S, S năm 1964.

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn F, huyện L, tỉnh Phú Thọ,(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa,nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Do có sự thống nhất với nhau từ trước giữa Nguyễn Tuấn C, S năm 1982, ở khu 17, xã X, huyện L- là lái xe vận chuyển Hng nội bộ thuê tại Xí nghiệp NPK1 thuộc Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất L (Công ty Supe), Vương Đức H, S năm 1981 ở khu 9, xã T, huyện L (là công nhân vận Hnh máy Xí nghiệp NPK1 thuộc Công ty Supe) và Vương Đức Đ, S năm 1986 ở khu 2 xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, về việc nếu có điều kiện trộm cắp Đ Hng hóa của Công ty Supe thì sẽ liên lạc cho nhau để cùng thực hiện,nên sáng ngày 14/6/2018, sau khi C gọi điện cho H và Đ thông báo có điều kiện thuận lợi để thực hiện việc trộm cắp tài sản của Công ty Supe thì H bảo Đ đi lấy đơn Hng và thuê xe ô tô vận chuyển số Hng trộm cắp Đ đưa ra khỏi Công ty để đem đi tiêu thụ.Còn H sẽ lo liệu để xe ô tô chở Hng trộm cắp ra Đ cổng Công ty Supe. Sau đó, Vương Đức Đ gọi điện thoại cho Dương Văn L, S năm 1984, ở khu 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ- là người đã quen biết với Đ từ trước, thuê L chở Hng trung chuyển từ trong Công ty Supe ra cổng với giá cước 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). L đồng ý và cho biết sẽ dùng xe ô tô tải BKS 19C-011.11 để vận chuyển Hng. Tiếp đó, Đ đến Công ty CPTM H là đại lý bán Hng cấp 1 của Công ty Supe đặt mua 07 tấn phân lân nung chảy và đăng kí phương tiện vận chuyển là xe ô tô BKS 19C - 011.11, để Đ Công ty CPTM H cấp hóa đơn xuất Hng, nhằm mục đích cho xe ô tô BKS 19C - 011.11 vào Đ trong Công ty Supe hợp lệ. Do quen biết nên Đ chưa thanh toán số tiền tương ứng với số Hng đã đặt mua của Công ty CPTM H. Vương Đức H gọi điện thoại di động cho Tạ Đức Thủy, S năm 1966, ở khu 4, xã Chu Hóa, tHnh phố Việt Trì (là nhân viên phòng Bảo vệ - Quân sự - Phòng cháy, chữa cháy thuộc Công ty Supe) đặt vấn đề nhờ Thủy lo liệu, sắp xếp cho xe ô tô chở Hng sẽ trộm cắp qua Đ trạm cân tải và cổng ra vào của Công ty, đồng thời điện thoại thuê anh Nguyễn Văn Bốn, S năm 1981, ở khu 2, xã Chu Hóa, tHnh phố Việt Trì (là người đứng đầu nhóm Z bốc vác thuê tại Công ty Supe theo hợp đồng thời vụ), để bố trí người người bốc vác, đưa số Hng sẽ trộm cắp Đ từ xe ô tô do C điều khiển, sang xe ô tô do L điều khiển để đưa ra khỏi cổng Công ty. Khoảng 20 giờ ngày 14/6/2018, L điều khiển xe ô tô tải có BKS 19C - 011.11 đến khu vực cổng phụ của Công ty Supe, rồi gọi điện thông báo cho Đ biết. Đ đi đến Công ty CPTM H lấy hóa đơn xuất Hng (7 tấn phân lân nung chảy) rồi lên xe ô tô BKS 19C-011.11 để cùng L đi vào Công ty Supe. Sau khi qua trạm cânbì, Đ chỉ đường cho L vào kho của Xí nghiệp lân nung chảy để bốc Hng theo hóa đơn. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bốc Hng xong, Đ, H và C gọi điện cho nhau rồi thống nhất hướng dẫn L điều khiển xe ô tô đến khu vực đường nội bộ cạnh khu vực kho của Xí nghiệp lưu huỳnh để đợi C chuyển số Hng trộm cắp đến. Khoảng 22 giờ cùng ngày, C điều khiển xe ô tô tải ben loại 5 tấn của Công ty, chở 12 tấn phân lân NPK 12-5-10 đã Đ công nhân bốc vác tại Xí nghiệp NPK1 chuyển lên từ trước để chuyển ra toa tàu theo yêu cầu của Công ty đến vị trí xe ô tô tải có BKS 19C - 011.11 đang dừng đỗ.Thấy C đưa Hng đến, H dùng điện thoại gọi điện cho Bốn thông báo vị trí cần bốc vác, chuyển tải. Sau khi nhận Đ điện thoại của H, Bốn gọi thêm 06 người khác đến để thực hiện việc bốc vác, chuyển tải thuê theo yêu cầu của H. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, toàn bộ 12

tấn phân NPK 12-5-10 đã Đ chuyển tải sang xe ô tô do L điều khiển.H bảo Bốn và nhóm bốc vác đi ra cổng Công ty trước để đợi thanh toán tiền công bốc vác.H cùng Đ lên xe BKS 19C - 011.11 do L điều khiển đi ra cổng Công ty. Ngồi trên xe ôtô, H nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin cho Tạ Đức Thủy nhờ lo thủ tục hợp lệ cho xe qua cầu cân và qua cổng bảo vệ, nhưng Thủy nói cán bộ cầu cân không đồng ý, nên không đi qua Đ. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, H bảo L điều khiển xe ô tô quay trở về kho của Xí nghiệp lân nung chảy để hạ 12 tấn phân NPK 12-5-10 xuống, đồng thời tiếp tục gọi điện thoại cho Bốn, đưa người vào để bốc, chuyển số Hng này xuống. Sau khi hạ tải toàn bộ số phân NPK 12-5-10 xuống, H bảo L điều khiển xe ôtô đi cùng H đến cầu cân cân tải số Hng Đ xuất theo hóa đơn để lấy phiếu cân hợp lệ. Lúc này anh Triệu Văn Tâm, S năm 1980, ở khu Ngọc Tỉnh, thị trấn L (là cán bộ trực cầu cân) đang làm nhiệm vụ xác định xe ô tô 19C - 011.11 chở thừa khoảng 75kg phân lân nung chảy nên đã yêu cầu xe quay lại kho bỏ bớt số Hng thừa xuống. Sau khi bỏ bớt Hng xuống, một mình L điều khiển xe ô tô quay lại cầu cân để cân lại và lấy phiếu cân hợp lệ. Sau đó, theo hướng dẫn của H, L điều khiển xe ô tô vòng lại, đi theo đường nội bộ phía sau cầu cân để quay lại kho của Xí nghiệp phân lân nung chảy để bốc số phân NPK 12-5-10 trộm cắp Đ lên xe. Khi xe ô tô do L điều khiển quay lại, H bảo Bốn cho người bốc toàn bộ số phân NPK 12-5-10 vừa hạ tải lúc trước đưa lên thùng xe, đóng bạt thùng lại. H và Đ lên xe ngồi cùng L. L điều khiển cho xe ô tô đi qua đường nội bộ phía sau cầu cân để đi ra cổng phụ của Công ty Supe. Vào thời điểm này, anh Trần Viết Z, S năm 1964, ở khu 10, xã T (là nhân viên Phòng BV-QS-PCCC) và anh Phan Tiến S, S năm 1964, ở khu 1, thị trấn F (là cán bộ giám sát Công đoàn của Công ty) đang làm nhiệm vụ tại khu vực cổng phụ của Công ty Supe đã tiến Hnh kiểm tra và phát hiện trên thùng xe BKS 19C-011.11 do L điều khiển có Hng là phân NPK 12-5-10 không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, nên đã yêu cầu L dừng, đỗ xe lại. Biết đã bị phát hiện nên Đ và H xuống xe đi bộ ra khỏi cổng Công ty trước. Khi thấy có một chiếc xe ô tô khác đậu trước đầu xe BKS 19C-011.11 Đ phép ra khỏi cổng Công ty, Đ liền gọi điện thoại cho L và nói: "Cứ đi theo xe phía trước mà ra, nếu bị bắt là đi tù cả lũ đấy". Nghe Đ nói như vậy, xác định trên xe mình đang chở Hng trộm cắp nên L điều khiển cho xe ô tô bám sát theo sau chiếc xe ô tô đang đi phía trước, để thoát ra khỏi barie tại khu vực cổng phụ của Công ty. Ngay lúc này, anh S và anh Z chạy theo, mỗi người bám vào một bên gương chiếu hậu của chiếc xe ô tô BKS 19C - 011.11 do L điều khiển đang bỏ chạy ra ngoài cổng để yêu cầu L cho xe dừng lại nhưng L không chấp Hnh mà tiếp tục điều khiển cho xe chạy thẳng về hướng ngã ba Tiên Kiên, huyện L, tỉnh Phú Thọ, theo đường Quốc lộ 32C hướng về TP.Việt Trì. Đến đoạn đường thuộc khu vực bãi gửi xecủa Trung tâm Lễ hội Đền Hùng, thấy L điều khiển xe đi chậm và bản thân thấy mỏi tay nên anh Z nhảy khỏi xe xuống xuống đường. Đến đoạn đường thuộc khu 2, xã Hy Cương, tHnh phố Việt Trì thì anh S nhảy xuống khỏi xe. L tiếp tục điều khiển xe ô tô 19C-011.11 chở theo số phân đã trộm cắp Đ đi về hướng TP.Việt Trì. Lúc này lực lượng bảo vệ Công ty Supe phối hợp với phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Phú Thọ đuổi bám phía sau. Đến khu vực dốc Vân Cơ thuộc tHnh phốViệt Trì, tỉnh Phú Thọ thì đuổi kịp đã ra hiệu

lệnh dừng xe và yêu cầu L điều khiển xe đưa toàn bộ số Hng đang chở trên xe về Công ty Supe để giải quyết.

Ngày 19/6/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện L quyết định trưng cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, huyện L tiến Hnh định giá đối với 477 bao phân NPK 12-5-10 có khối lượng 12.000 kg là tài sản mà các đối tượng đã trộm cắp của Công ty Supe. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTSTT ngày 20/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận:477 (Bốn trăm bảy mươi bảy) bao phân NPK 12-5-10, tổng khối lượng 12.000 kg (Mười hai nghìn kilôgam) có trị giá 74.400.000 VNĐ (Bảy mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vật chứng và các đồ vật, tài sản có liên quan đến Hnh vi phạm tội của các bị cáo mà Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HOWO, màu sơn xanh, BKS 19C- 011.11; 477 bao phân NPK 12-5-10 tổng khối lượng 12.000 kg và 135 bao phân lân nung chảy tổng khối lượng 6.800 kg. Kết quả xác minh xác định:

- Xe ô tô biển số 19C - 011.11 của Công ty TNHH vận tải G,địa chỉ: khu 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Ông Lưu Văn Tấn đã giao chiếc ô tô này cho Dương Văn L sử dụng để chở Hng hóa thuê. Ông Tấn không biết việc L sử dụng xe ô tô trên để thực hiện Hnh vi phạm tội.

- 135 bao phân lân nung chảy tổng khối lượng 6.800 kg là số Hng bị cáo Vương Đức Đ đã đặt mua của Công ty CPTM H để thực hiện Hnh vi phạm tội. Tuy nhiên số Hng trên Đ chưa thanh toán tiền và Công ty CPTM H chưa cấp hóa đơn bán Hng cho Vương Đức Đ. Ngày 30/6/2018, Công ty CPTM H đã thanh toán số tiền mua số Hng hóa trên cho Công ty Supe.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô biển số 19C - 011.11 cho Công ty TNHH vận tải G; trả lại 477 bao phân NPK 12-5-10 tổng khối lượng 12.000kg cho Công ty cổ phần Supep phốt phát và hóa chất L và trả lại 135 bao phân lân nung chảy tổng khối lượng 6.800kg cho Công ty CPTM H là các chủ sở hữu hợp pháp của các tài sản trên theo quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HSST ngày 9 tháng 5 năm 2019 của tòa án nhân dân huyện L đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn C, Vương Đức H, Vương Đức Đ và Dương Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vương Đức H 30 (Ba mươi)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp Hnh án.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn C 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Bị cáo Vương Đức Đ 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người Đ hưởng án treothay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân nơi cư trú của các bị cáo có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người Đ hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện Hnh vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụnghình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn C, Vương Đức H, Vương Đức Đ và Dương Văn L.

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2019, bị cáo Vương Đức H kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 229/QĐ-VKS-P7 ngày 07/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm e Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vương Đức Đ, Dương Văn L, Vương Đức H. Xử phạt hình phạt tù và không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Vương Đức Đ, Dương Văn L, Nguyễn Tuấn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ thay đổi kháng nghị, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm e Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vương Đức Đ, Dương Văn L, Vương Đức H và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với 04 bị cáo vì phát S tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: 04 bị cáo đã bồi Z thiệt hại cho bảo vệ Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất L và Đ bảo vệ Công ty làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho 04 bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử cho 04 bị cáo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ vàkháng cáo của bị cáo Vương Đức Htrong hạn luật địnhĐ xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: : Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ ngày 14/6/2018 đến 2 giờ 20 phút ngày 15/6/2018 , tại Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất L, Vương Đức H, Vương Đức Đ, Nguyễn Tuấn C và Dương Văn L đã cùng nhau thực hiện Hnh vi trộm cắp 477 bao phân NPK 12-5-10 có tổng khối lượng 12.000 kg trị giá 74.400.000 VNĐ (Bảy mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng) của Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất L.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại, phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra tội phạm; chứng cứ và các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Hnh vi mà các bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp Đ pháp luật bảo vệ. Như vậ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi L điều khiển cho xe ô tô đi qua đường nội bộ phía sau cầu cân để đi ra cổng phụ của Công ty Supe. Vào thời điểm này, anh Trần Viết Z, S năm 1964, ở khu 10, xã T (là nhân viên Phòng BV-QS-PCCC) và anh Phan Tiến S, S năm 1964, ở khu 1, thị trấn F (là cán bộ giám sát Công đoàn của Công ty) đang làm nhiệm vụ tại khu vực cổng phụ của Công ty Supe đã tiến Hnh kiểm tra và phát hiện trên thùng xe BKS 19C-011.11 do L điều khiển có Hng là phân NPK 12-5-10 không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ nên đã yêu cầu L dừng, đỗ xe lại. Biết đã bị phát hiện nên Đ và H xuống xe đi bộ ra khỏi cổng Công ty trước. Khi thấy có một chiếc xe ô tô khác đậu trước đầu xe BKS 19C-011.11 Đ phép ra khỏi cổng Công ty, Đ liền gọi điện thoại cho L và nói: "Cứ đi theo xe phía trước mà ra, nếu bị bắt là đi tù cả lũ đấy". Nghe Đ nói như vậy, xác định trên xe mình đang chở Hng trộm cắp nên L điều khiển cho xe ô tô bám sát theo sau chiếc xe ô tô đang đi phía trước, để thoát ra khỏi barie tại khu vực cổng phụ của Công ty. Ngay lúc này, anh S và anh Z chạy theo, mỗi người bám vào một bên gương chiếu hậu của chiếc xe ô tô BKS 19C - 011.11 do L điều khiển đang bỏ chạy ra ngoài cổng để yêu cầu L cho xe dừng lại nhưng L không chấp Hnh mà tiếp tục điều khiển cho xe chạy thẳng về hướng ngã ba Tiên Kiên, huyện L, tỉnh Phú Thọ, theo đường Quốc lộ 32C hướng về TP.Việt Trì. Đến đoạn đường thuộc khu vực bãi gửi xecủa Trung tâm Lễ hội Đền Hùng, thấy L điều khiển xe đi chậm và bản thân thấy mỏi tay nên anh Z nhảy khỏi xe xuống xuống đường. Đến đoạn đường thuộc khu 2, xã Hy Cương, tHnh phố Việt Trì thì anh S nhảy xuống khỏi xe. L tiếp tục điều khiển xe ô tô 19C-011.11 chở theo số phân đã trộm cắp Đ đi về hướng TP.Việt Trì. Lúc này lực lượng bảo vệ Công ty Supe phối hợp với Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Phú Thọ đuổi bám phía sau. Đến khu vực dốc Vân Cơ thuộc tHnh phốViệt Trì, tỉnh Phú Thọ thì đuổi kịp đã ra hiệu lệnh dừng xe và yêu cầu L điều khiển xe đưa toàn bộ số Hng đang chở trên xe về Công ty Supe để giải quyết. Như vậy Hnh vi nêu

trên của các bị cáo là *"Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng"*nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã thỏa thuận với anh Z là bảo vệ của Công ty Supe về việc bồi Z tổn thất tinh thần và xin lỗi anh Z vào ngày 12/6/2019.Anh Z đã nhận tiền bồi Z và đề nghị các cơ quan pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ Đ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Vương Đức Hxin giảm nhẹ hình phạt và Đ hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa bị cáo xuất trình văn bản Đ UBND xã Tạch sơn xác nhận là gia đình có công với cách mạng và đề nghị cho bị cáo cải tạo tại địa phương đồng thời bị cáo đã cùng các bị cáo bồi Z thiệt hại và xin lỗi anhZ, Đ anh Z chấp nhận xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng cho bị cáo. Mặt khác, vai trò của bị cáo trong vụ án chỉ là đồng phạm giúp sức nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp.

[5] Từ những nhận định tại mục [3], [4]nêu trên sửa bản ánhình sự sơ thẩm về điều luật áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo. Giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Vương Đức H.

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa phù hợp nên chấp nhận.

[7]Kháng nghị và kháng cáo Đ chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử không xem xét;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn C, Vương Đức H, Vương Đức Đ và Dương Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vương Đức H, Vương Đức Đ, Dương Văn L.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn C.

Xử phạt: Bị cáo Vương Đức H 30 (Ba mươi)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáumươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn C 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày

tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Bị cáo Vương Đức Đ 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người Đ hưởng án treothay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân nơi cư trú của các bị cáo có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người Đ hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện Hnh vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụnghình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn C, Vương Đức H, Vương Đức Đ và Dương Văn L.

[2] Về án phí: Áp dụng Điểm h Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Tuấn C, Vương Đức H, Vương Đức Đ và Dương Văn Lkhông phải chịuán phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Phú Thọ;*
- *VKSND huyện L;*
- *Công an huyện L;*
- *Cơ quan THAHS- CA huyện L;*
- *Cơ quan THADS huyện L;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;*
- *UBND xã X; UBND xã T, UBND xã H;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND TT P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS+VP.

Tạ Văn Thành